

Số:14/BC - CĐTHCSCĐ

Phúc Điền, ngày 31 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH THEO
(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 theo Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương;

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-PGDĐT, ngày 30/8/2024 của Phòng GDĐT Cẩm Giàng về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024- 2025;

Thực hiện theo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học số 21/KH-THCSCĐ ngày 31/8/2024 của trường THCS Cẩm Điền năm học 2024-2025;

Trường THCS Cẩm Điền đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo đầu năm học 2024 – 2025 như sau:

I. CÔNG KHAI CHUNG

1. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Trường THCS Cẩm Điền
- Cơ quan quản lý: Phòng GDĐT huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

2. Địa chỉ trụ sở: Thuộc thôn Mậu Tài, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Thư điện tử: thcscamdien@gmail.com

- Trang web: thcscamdien.edu.vn

3. Tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Cẩm Điền đóng trên địa bàn đất thuộc thôn Mậu Tài, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Website của nhà trường: <http://thcscamdien.camgiang.edu.vn>

Số điện thoại cơ quan: 02203.545.255

Trường THCS Cẩm Điền thuộc địa phận thôn Mậu Tài, xã Phúc Điền, cách trung tâm huyện Cẩm Giàng 4 km về phía Tây Nam. Trường nằm tại trung tâm xã, giao thông đi lại thuận lợi cho học sinh.

Tháng 9 năm 1961, năm học 1961 – 1962 trường được thành lập với tên gọi trường phổ thông cơ sở Cấp II Cẩm Điền. Trường có 01 lớp đặt tại địa điểm Văn Miếu Mao Điền - thôn Mậu Tài - xã Cẩm Điền - huyện Cẩm Giàng.

Từ năm học 1990 – 1991 trường được tách thành 02 cấp riêng biệt, ở tại địa điểm cũ và đổi tên thành trường THCS Cẩm Điền.

Trải qua 64 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, đến nay trường đã có 03 dãy nhà 2 tầng kiên cố, có đủ phòng học, phòng bộ môn, có một dãy nhà hiệu bộ hai tầng đủ phòng làm việc cho cán bộ nhân viên, có sân bãi tập rộng rãi thoáng mát phục vụ tốt cho việc dạy và học.



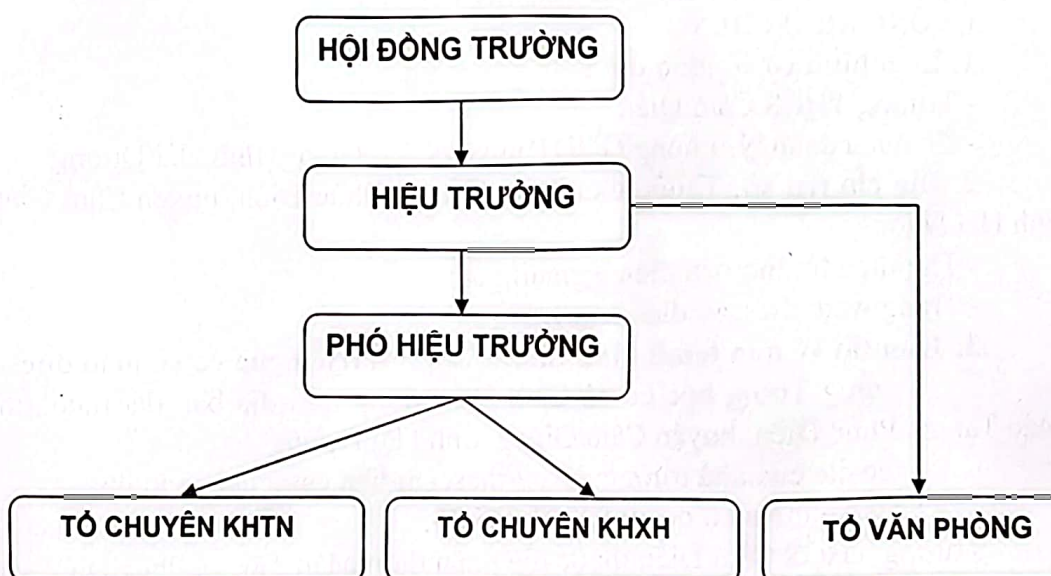
Tính đến ngày 31/5/2025 đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường hiện nay có 22 người, đủ về cơ cấu, đồng bộ về số lượng, đều là những thầy cô trẻ yêu nghề, yên tâm công tác, hăng say trong công việc, biết khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn đoàn kết, nhất trí cao với chủ trương của Đảng, chấp hành tốt những quy định của ngành, cùng nhau phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng vững bước đi lên. Học sinh nhà trường do đặc điểm là địa bàn thuần nông nên các em phần lớn chăm ngoan, có ý thức vươn lên trong học tập vì vậy chất lượng học sinh giỏi, chất lượng hai mặt giáo dục có nhiều tiến bộ.

- Nhà trường liên tục được công nhận là tập thể Lao động xuất sắc
- + Năm học 2023 -2024 Nhà trường được công nhận là tập thể Lao động Xuất sắc theo Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Giàng.
- + Năm học 2024 -2025 Nhà trường đề nghị được công nhận là tập thể Lao động Xuất sắc.

4. Thông tin người đại diện hợp pháp

- Người đại diện hợp pháp: Vũ Văn Luyện – Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0902169135
- Thư điện tử: yuvanluyen@gmail.com

5. Tổ chức bộ máy



- Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 107/QĐ-PGDĐT ngày 17/9/2024 của trường phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2025.

- Hiệu trưởng, được bổ nhiệm lại lần gần nhất ngày 27 tháng 11 năm 2018 theo quyết định số 4304/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng, Quyết định điều động số 3493/QĐ-UBND, ngày 01/08/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Phó Hiệu trưởng được điều động luân chuyển và bổ nhiệm lại lần hai theo quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Các bộ phận trong bộ máy Nhà trường hoạt động theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên tính đến thời điểm 31/5/2025

- Cơ cấu đội ngũ tính đến thời điểm hiện tại: Có 22 cán bộ, giáo viên, nhân viên (Nam: 5; Nữ: 17). Biên chế 21, hợp đồng 01 (01 trong biên chế). Trong đó:

2. Đội ngũ Nhà giáo: Tổng số có 17 giáo viên (trong đó 16 biên chế, 01 hợp đồng trong biên chế) cơ cấu bộ môn tương đối hợp lý.

- Giáo viên có trình độ đại học là 17/17 (100%)

3. Cán bộ quản lý: 02 (Hiệu trưởng: 01, Phó Hiệu trưởng: 01)

- Trình độ chuyên môn: CBQL có trình độ thạc sĩ 2/2 (100%)

4. Độ ngũ nhân viên: 03 (Kế toán: 01; Văn thư: 01; Thư viện: 01)

- Nhân viên có trình độ đại học 3/3 (100%).

2. Học sinh: Tổng số lớp: 12 lớp

+ Đầu năm học: 12 lớp, 448 học sinh.

+ Cuối năm học: 12 lớp, 445 học sinh (đi 08, thôi học 01, đến 06).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.

1. Khối phòng hành chính quản trị: Có 05 phòng (Phòng hiệu trưởng 01, phó hiệu trưởng 01, văn phòng 01, Công đoàn 01, bảo vệ 01); Có 02 khu vệ sinh CB, GV, NV. Có 01 khu để xe CB, GV, NV.

2. Khối phòng học tập: Có 07 phòng học, 10 phòng học bộ môn (KHTN 2, Công nghệ 1, KHXH 2, Tin học 1, Tiếng Anh 1, Âm nhạc 1, Mỹ thuật 1, Phòng đa năng 1). 100% các phòng học có TV, máy chiếu gần phục vụ công tác dạy và học.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 06 phòng (Thư viện 02, TBGD 01, tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập 01, phòng truyền thống 01, phòng Đoàn – Đội 01).

4. Khu phụ trợ: Có 04 phòng (Phòng họp toàn thể CBGV 01, tổ chuyên môn 02, y tế 01); Có 01 nhà kho, có 01 khu để xe và 02 khu vệ sinh của học sinh; Có cổng và tường rào đảm bảo an toàn.

5. Khu sân chơi, bãi tập, nhà đa năng: Có 01 khu sân chơi có diện tích 600m², có 01 khu thể dục 500m², thể thao và 01 nhà đa năng.

+ Hạ tầng kỹ thuật có hệ thống cấp nước sạch, có hệ thống cấp điện, có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, có hệ thống thông tin, liên lạc, có khu thu gom rác thải.

6. Thiết bị dạy học

- Nhà trường đã có phòng thiết bị đồ dung riêng biệt. Hàng năm nhà trường luôn quan tâm đầu tư, bổ sung thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.

- Nhà trường đã mua bổ sung lắp đặt 12 ti vi tại các lớp học được kết nối Wifi phục vụ cho việc giảng dạy.

- Máy tính, máy in phục vụ dạy học: 03 chiếc

- Nhà trường đầu tư mua mới hoá chất, trang thiết bị phòng hoá. Đồ dung, tranh ảnh được xử lý, bảo quản, sử dụng đúng chuyên môn nghiệp vụ.

- Đủ hồ sơ theo quy định để theo dõi việc nhập, mượn, trả.

- Giáo viên khai thác, sử dụng và tự làm đồ dung thiết bị phục vụ công tác giảng dạy đạt hiệu quả cao.

6. Thư viện.

- Nhân viên thư viện đạt trình độ Đại học thư viện, có trách nhiệm trong công việc, luôn học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Hồ sơ sổ sách theo dõi về quản lý và sử dụng thư viện đầy đủ, rõ ràng; phòng thư viện, thư viện số.

- Thư viện luôn được sắp xếp gọn gàng, sạch đẹp, sách và trang thiết bị khá đầy đủ để giáo viên sử dụng dạy và học cho học sinh.

- Phòng thư viện trường được bố trí tầng 2 nơi thoáng mát, được trang trí đẹp, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp.

- Tổng diện tích: 110 m². Trong đó phòng đọc học sinh: 55 m², phòng đọc giáo viên và kho 55m²

- Ngoài phòng thư viện tại lớp học thư viện nhà trường có bố trí tủ đựng sách nhỏ cho từng lớp học và cho các đăng ký mượn sách vào thứ hai hàng tuần.

- Bổ sung tài liệu TV: Được sự quan tâm, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo, sự quan tâm của Ban Giám hiệu Nhà trường.

+ Nguồn tài nguyên sách đảm bảo phục vụ cho nhu cầu giảng dạy của giáo viên, học tập và tra cứu tài liệu của học sinh.

+ Giáo viên tích cực khai thác thông tin thông qua thư viện số phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

+ Thư viện nhà trường đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thư viện.

- Nguồn ngân sách, mua dùng chung: 4.552.000 đồng

- Tổng thu tiền SGK: 105.085.200 đồng

- Tình hình kho sách năm

Năm học	Sách giáo khoa	Sách nghiệp vụ	Sách tham khảo	Tổng số	
				Số bản	Trị giá
2024-2025	2530	1493	2764	6787	101381.600

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Duy trì trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	Không có
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	Không có
Tiêu chí 1.8		x	x	Không có
Tiêu chí 1.9		x	x	Không có
Tiêu chí 1.10		x	x	Không có
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	x

Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	Không có
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4		X	X	X
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5		X	X	X
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	Không có
Tiêu chí 5.4		X	X	Không có
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả tự kiểm tra: Nhà trường vẫn duy trì được các tiêu chuẩn, tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 – Kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào tháng 7 năm 2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

- Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

- Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1. Chất lượng hai mặt giáo dục năm học 2024-2025

- Kết quả học tập

STT	Tên lớp	Số số	Số học sinh						Thông tư 22								
			Lên lớp		Lưu ban	C.đi	C.đến	Bỏ học	Kết quả học tập								
			SL	TL (%)					Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
									SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	445	422	94.83		8	6	1	445	98	22.02	187	42.02	137	30.79	23	5.17
2	TỔNG KHỐI 6	123	117	95.12		2	1		123	14	11.38	56	45.53	47	38.21	6	4.88
3	6A	42	42	100					42	13	30.95	28	66.67	1	2.38		
4	6B	41	37	90.24		1			41	1	2.44	13	31.71	23	56.1	4	9.76
5	6C	40	38	95		1	1		40			15	37.5	23	57.5	2	5
6	TỔNG KHỐI 7	120	111	92.5		2	3	1	120	30	25	47	39.17	34	28.33	9	7.5
7	7A	39	33	84.62		1	3	1	39	3	7.69	14	35.9	16	41.03	6	15.38
8	7B	38	35	92.11		1			38	4	10.53	14	36.84	17	44.74	3	7.89
9	7C	43	43	100					43	23	53.49	19	44.19	1	2.33		
10	TỔNG KHỐI 8	114	111	97.37		2	2		114	25	21.93	52	45.61	34	29.82	3	2.63
11	8A	35	33	94.29		2			35	2	5.71	18	51.43	13	37.14	2	5.71
12	8B	41	41	100			1		41	19	46.34	21	51.22	1	2.44		
13	8C	38	37	97.37			1		38	4	10.53	13	34.21	20	52.63	1	2.63
14	TỔNG	88	83	94.32		2			88	29	32.95	32	36.36	22	25	5	5.68

4	Lê Quỳnh Yên	Lương Hà Phương	8B	Sinh học	9,0	2	Nhì	7
5	Vũ Thị Hương	Lương Vũ Trà My	8B	Lịch sử	8	24	KK	13
6	Lê Thị Hiền	Lê Thị Hậu	8B	Địa lý	6,5		KK	7
		Nguyễn Đình Khánh Hưng	8B	Địa lý	6,3		KK	
7	Phạm Thị Mai	Nguyễn Ngọc Hà Linh	8B	Tiếng Anh	8,1	11	Ba	4
		Đào Phi Yên	8B	Tiếng Anh	7,2	22	KK	
8	Vương Thị Ninh	Nguyễn Minh Ngân	8B	Tin học	9,75	2	Nhì	1
TOÀN TRƯỞNG								2/18

5. Chất lượng đội tuyển IOE

TT	Họ tên giáo viên	Họ tên học sinh	Lớp	Cấp trường		Cấp huyện		Cấp tỉnh		Cấp QG	
				Điểm	Giải	Điểm	Giải	Điểm	Giải	Điểm	Giải
1	Đinh Thị Hương	Đào Phi Yên	8B	1650	Ba	1540		1350		880	
2		Nguyễn Ngọc Hà Linh	8B	1900	Nhất	1810		1890	Nhì	1240	
3		Lương Diệp Chi	8B	1620	Ba	1540		1360		890	
4		Ứng Trúc Vy	7C	1590	KK	1380		1450			
5		Nguyễn Như Ngọc	7C	1660	Nhì	1420		1440			
6		Lê Đức Anh	7c	1660	Nhì	1600		1640	Ba		
7		Lê Khánh Chi	7C	1280	KK						
8		Đoàn Khánh Phương	7C	1230	KK						
9		Lương Minh Thư	6A	1500	KK	1410		1330			
10		Nguyễn Ngọc Hân	6A	1440	KK	1340		1230			
11		Nguyễn Bảo Hân	6A	1310	KK						

6. Chất lượng đội tuyển VIOEDU

T T	Họ tên giáo viên	Họ tên học sinh	Lớp	Cấp trường		Cấp huyện		Cấp tỉnh	
				Điểm	Giải	Điểm	Giải	Điểm	Giải
1	Nguyễn Thị Hiền	Lương Minh Thư	6A	29	Nhất	21			
2		Đặng Nguyễn Đăng Khoa	6A	28	Nhì	16			
3		Nguyễn Hoàng Yên Nhi	6A	28	Nhì	14			
4		Nguyễn Lương Thảo Nhi	6A	26	KK	15			
5		Lương Mai Linh	7C	30	Nhất	21			
6		Nguyễn Danh Nhật Minh	7C	29	Nhất	20			
7		Nguyễn Ngọc Hà	7C	27	Ba	22		19	
8		Ứng Trúc Vy	7C	26	KK	22		21	
9		Lương Vũ Đức Huy	7B	26	KK	18			
10		Vũ Quỳnh Anh	7C	26	KK	21			
11		Phạm Thị Thoa	7C	26	KK	22		19	
12		Lê Huy Tấn Dũng	7C	26	KK	15			

7. Chất lượng đội tuyển điền kinh

TT	Họ và tên giáo viên	Họ và tên học sinh	Lớp	Môn	Thành tích	Xếp thứ	Đạt giải	Xếp hạng
1		Đào Thị Ánh Ngọc	9C	Nhảy cao			Giải ba	
2		Đặng Thị Tuyết Trinh	9B	Ném bóng			Giải ba	

8. Chất lượng đội tuyển STEM

Stt	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Mô hình cấp trường	Mô hình cấp huyện	Mô hình cấp tỉnh
1	Hệ thống tưới cây tự động	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Tháng 2+3	X	X	
2	Mô hình hệ mặt trời chuyển động	Nguyễn Thị Hiền	Tháng 2+3	X	X	
3	Nến thơm Handmade	Vương Thị Ninh	Tháng 2+3	x	x	
4	Mô hình STEM đường ray lăn bi sắt tự động	Trần Quỳnh Anh	Tháng 2+3	x	x	x
5	Mô hình quạt chạy bằng dung dịch nước muối	Vũ Mạnh An	Tháng 2+3			

9. Học sinh đạt giải sản phẩm stem cấp trường

TT	Họ và tên	Lớp	Sản phẩm đạt giải
1	Lương Minh Thư	6A	Sản phẩm đạt giải nhất STEM cấp trường
2	Lê Thị Khánh Linh	8B	Sản phẩm đạt nhì nhất STEM cấp trường
3	Nguyễn Đình Khánh Hưng	8B	Sản phẩm đạt nhì nhất STEM cấp trường
4	Lê Minh Ngọc	7C	Sản phẩm đạt ba STEM cấp trường
5	Nguyễn Ngọc Hà	7C	Sản phẩm đạt ba STEM cấp trường
6	Nguyễn Quỳnh Trang	8A	Sản phẩm đạt ba STEM cấp trường

7	Nguyễn Phương Anh	8C	Sản phẩm đạt ba STEM cấp trường
+ Học sinh đạt giải sản phẩm stem cấp huyện			
TT	Họ và tên	Lớp	Sản phẩm đạt giải
1	Lương Minh Thư	6A	Sản phẩm đặc sắc ngày hội STEM cấp huyện
2	Lê Thị Khánh Linh	8B	Sản phẩm đặc sắc ngày hội STEM cấp huyện
3	Nguyễn Đình Khánh Hưng	8B	Sản phẩm đặc sắc ngày hội STEM cấp huyện
+ Học sinh đạt giải sản phẩm stem cấp tỉnh			
TT	Họ và tên	Lớp	Sản phẩm đạt giải
2	Lê Thị Khánh Linh	8B	Sản phẩm đặc sắc ngày hội STEM cấp huyện
3	Nguyễn Đình Khánh Hưng	8B	Sản phẩm đặc sắc ngày hội STEM cấp huyện

10. Hoạt động trải nghiệm STEM

TT	Mội dung	Thời gian	Mô hình
1	Tham gia hoạt động trải nghiệm tại công ty Brother	04.09.2024	Trải nghiệm các hoạt động tại công ty

11. Kết quả thi đua các lớp

Lớp	6A	6B	6C	7A	7B	7C	8A	8B	8C	9A	9B	9C
Xếp thứ	3	11	12	6	10	4	7	2	4	1	8	9

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024

(Triệu đồng)				
Stt	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương 4.297	100%	4.297
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục: 613	100%	613
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục:		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học.

2.1. Các khoản thu theo Công văn

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền học phí (theo Công văn 1569/SGDĐT-KHTC Sở GDĐT tỉnh Hải Dương)	85.000 đồng	85.000 đồng	85.000 đồng	85.000 đồng
2	BHYT (theo KH số 153/KH-UBND huyện Cẩm Giàng)	884.520 đồng	884.520 đồng	884.520 đồng	884.520 đồng
3	BHTT (theo Công văn 402/BVHD-PS2 về triển khai bảo hiểm ngành giáo dục năm 2024-2025)	200.000 đồng	200.000 đồng	200.000 đồng	200.000 đồng

2.2. Các khoản thu theo dịch vụ

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền học thêm	7.000/tiết	7.000/tiết	7.000/tiết	7.000/tiết
2	Tiền xe	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng

2.3. Các khoản thu hộ

Stt	Khoản thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền nước uống	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng	7.000đ/tháng
2	Tiền thẻ điện tử học sinh	30.000đ/năm	0	0	0

2.4. Các khoản thu theo thỏa thuận

2.5. Các khoản chi theo dịch vụ

Stt	Các khoản thu	Năm học 2024-2025	
		Số tiền thu được	Số tiền đã chi
1	Tiền học phí	322.150.000	322.150.000
2	Tiền BHTT	101.800.000	101.800.000
3	Tiền Bảo hiểm YT	393.625.995	393.625.995
4	Gửi xe	2.520.000	2.520.000
5	Học thêm	243.467.000	243.467.000
6	Nước uống	12.432.000	12.432.000
7	Thẻ thông minh của HS khối 6	4.110.000	4.110.000

- Thực hiện các dự toán thu, chi ngân sách; cân đối dự toán thu, chi ngân sách công khai, minh bạch và đúng quy định.

- Công tác quản lý các khoản thu, chi của đơn vị; việc quyết toán và thực hiện chế độ công khai các nguồn kinh phí kịp thời và đạt hiệu quả.

- Quản lý, sử dụng, mua sắm thiết bị trường học; luôn chấp hành các nguyên tắc, chế độ về quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án, công trình do các đơn vị là chủ đầu tư.

- Miễn giảm một số khoản thu cho học sinh thuộc chế độ chính sách và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả thực hiện đối với nhà trường

- Danh hiệu thi đua:

+ Đề nghị Tập thể Lao động xuất sắc

+ Đề nghị Tập thể nhận Cờ thi đua

- Hình thức khen thưởng

+ Đề nghị UBND huyện tặng Giấy khen

+ Đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen

2. Kết quả đạt được đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Giáo viên đạt giải cấp trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bộ môn
1	Phạm Thị Ngân	Giáo viên	Toán học
2	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	Toán học
3	Nguyễn Thị Thùy Dương	Giáo viên	Toán học

- Giáo viên đượ công nhận cấp huyện

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Bộ môn	Ghi chú
1	Lê Quỳnh Yến	Giáo viên	KHTN (Sinh học)	
2	Phạm Thị Ngân	Giáo viên	Toán	

- Thực hiện chuyên đề

TT	Tên chuyên đề	Tổ	Lĩnh vực	Người thực hiện	Thời gian	Cấp thực hiện
1	Phương pháp dạy ngữ âm cho học sinh THCS	KHXXH	Tiếng Anh	Đinh Thị Hương	11/2024	Tổ
2	Xây dựng bộ câu hỏi theo dạng thức đúng sai sử dụng trong KTĐG môn KHTN (Hoá học) 9.	KHTN	KHTN 9	Phạm Thị Duyên	12/2024	Huyện
3	Phân dạng hệ thống bài tập sử dụng ngôn ngữ lập trình Python để bồi dưỡng học sinh giỏi môn tin học	KHTN	Tin học	Vương Thị Ninh	3/2025	Huyện

- Thực hiện hội thảo cấp trường

TT	Môi dung	Lĩnh vực	Người chủ trì	Thời gian	Cấp thực hiện
1	Nâng cao chất lượng ôn thi vào lớp 10 THPT	Toán	Phạm Thị Duyên	8/2024	Tổ
2	Nâng cao chất lượng môn Ngữ văn và tiếng Anh	Ngữ văn, tiếng Anh	Nguyễn Văn Đức	8/2024	Tổ

- Kết quả hoạt động của CBGVNV

TT	Chuyên đề cấp trường	Chuyên đề cấp huyện	SHCM theo NCBH	Hội thảo nâng cao chất lượng	Giáo viên tham gia Hội giảng	Giáo viên giỏi trường	Giáo viên giỏi huyện	Kiểm tra CM	Kiểm tra CĐ	HD CM Cấp huyện
TXH	2	0	2	2	9	0	0	6	3	
TTN	2	2	2	1	9	3	2	8	1	0
TVP									2	
Tổng	4	2	4	1	18	3	2	14	6	0

- Danh sách CBGVNV đạt danh hiệu LĐT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Danh hiệu	Ghi chú
1	Vũ Văn Luyện	Hiệu trưởng	LĐT	
2	Phạm Thị Duyên	Tổ trưởng	LĐT	
3	Vương Thị Ninh	Giáo viên	LĐT	
4	Vũ Thị Lương	Tổ trưởng	LĐT	
5	Đinh Thị Hương	Giáo viên	LĐT	
6	Đào Hữu Biên	PHT	LĐT	
7	Nguyễn Văn Đức	Tổ Trưởng	LĐT	
8	Phạm Thị Ngân	Giáo viên	LĐT	
9	Nguyễn Thị Thùy	Kế toán	LĐT	
10	Lê Quỳnh Yên	Giáo viên	LĐT	
11	Phạm Thị Mai	Giáo viên	LĐT	
12	Vũ Mạnh An	Giáo viên	LĐT	
13	Trần Quỳnh Anh	Giáo viên	LĐT	
14	Lê Thị Hiền	Giáo viên	LĐT	
15	Vũ Thị Hương	Giáo viên	LĐT	
16	Hoàng Thị Nhàn	Giáo viên	LĐT	
17	Đào Thị Vĩnh	Thư viện	LĐT	
18	Nguyễn Thị Thùy Dương	Giáo viên	LĐT	
19	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	LĐT	
20	Nguyễn Bá Trung	Giáo viên	LĐT	
21	Nguyễn Thị Ngoan	Giáo viên	LĐT	
22	Nguyễn Thị Thắm	Giáo viên	LĐT	
23	Đặng Thị Hiền	Giáo viên	LĐT	

- Danh sách đánh giá xếp loại viên chức và người lao động

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Xếp loại viên chức	Ghi chú
1	Vũ Văn Luyện	Hiệu trưởng	HTXSNV	
2	Phạm Thị Duyên	Tổ trưởng	HTXSNV	
3	Vương Thị Ninh	Giáo viên	HTXSNV	
4	Vũ Thị Lương	Tổ trưởng	HTXSNV	
5	Đinh Thị Hương	Giáo viên	HTXSNV	

6	Đào Hữu Biên	PHT	HTTNV	
7	Nguyễn Văn Đức	Tổ Trưởng	HTTNV	
8	Phạm Thị Ngân	Giáo viên	HTTNV	
9	Nguyễn Thị Thùy	Kế toán	HTTNV	
10	Lê Quỳnh Yên	Giáo viên	HTTNV	
11	Phạm Thị Mai	Giáo viên	HTTNV	
12	Vũ Mạnh An	Giáo viên	HTTNV	
13	Trần Quỳnh Anh	Giáo viên	HTTNV	
14	Lê Thị Hiền	Giáo viên	HTTNV	
15	Vũ Thị Hương	Giáo viên	HTTNV	
16	Hoàng Thị Nhân	Giáo viên	HTTNV	HD
17	Đào Thị Vĩnh	Thư viện	HTTNV	
18	Nguyễn Thị Thùy Dương	Giáo viên	HTTNV	
19	Nguyễn Thị Hiền	Giáo viên	HTTNV	
20	Nguyễn Bá Trung	Giáo viên	HTTNV	
21	Nguyễn Thị Ngoan	Giáo viên	HTTNV	
22	Nguyễn Thị Thắm	Giáo viên	HTTNV	
23	Đặng Thị Hiền	Giáo viên	HTTNV	

- Danh sách CBGVNV đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

Stt	Họ và tên	Chức danh (GV, NV)	Ghi chú
1	Vũ Văn Luyện	Hiệu trưởng	HTXSNV, SK Cấp huyện
2	Phạm Thị Duyên	Tổ trưởng	HTXSNV, SK Cấp huyện
3	Vương Thị Ninh	Trưởng Ban TTND	HTXSNV, SK Cấp huyện
4	Đào Hữu Biên	Phó Hiệu trưởng	HTTNV, SK Cấp huyện
5	Nguyễn Văn Đức	Tổ trưởng	HTTNV, SK Cấp huyện

- Danh sách CBGVNV được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện

Stt	Họ và tên	Chức danh (GV, NV)	Ghi chú
1	Vũ Thị Lương	Tổ trưởng	HTXSNV, SK Cấp huyện
2	Đinh Thị Hương	Giáo viên	HTXSNV, SK Cấp huyện
3	Nguyễn Thị Thùy	Kế toán	HTTNV, SK Cấp huyện
4	Phạm Thị Ngân	Giáo viên	Giáo viên giỏi cấp huyện, SK Cấp huyện
5	Lê Quỳnh Yên	Giáo viên	Giáo viên giỏi cấp huyện, SK Cấp huyện

- Danh sách CBGVNV đề nghị Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phạm Thị Duyên	Tổ trưởng	02 năm HTXSNV ; 02 năm CSTĐ

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024 – 2025, công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo của Trường THCS Cẩm Điền

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- BCH Công đoàn;
- Các tổ trưởng;
- Đăng Website;
- Lưu VT.

